

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HS-PT

Ngày 13 - 02- 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Văn Quang

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Năng Thành

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:***

Ông Hà Duy Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2020/HSPT ngày 06 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Trần Đình Ng do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 193/2019/HSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

***Bị cáo bị kháng cáo:*** **Trần Đình Ng**, sinh ngày 28/9/2001; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tổ dân phố Thành Công, phường D, quận H, Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo, đảng phái không; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; con ông Bùi Đình S và bà Trần Thị L, sinh năm 1978; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự chưa; hiện bị cáo được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

***Đại diện hợp pháp của bị cáo không kháng cáo:*** Bà Trần Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ tổ dân phố Thành Công, phường D, quận H, thành phố Hà Nội – có mặt.

**Người bị hại có kháng cáo:** Chị Dương Thị Th, sinh năm 1985; trú tại tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:** Anh Bùi Nguyên A, sinh năm 1995; trú tại: Tổ dân phố Trung Bình, phường D, quận H, thành phố Hà Nội – vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đình Ng có quan hệ bạn bè với Nguyễn Văn S và Đặng Trần T, đều trú tại phường D, quận H, thành phố Hà Nội. Khoảng cuối tháng 3/2019, chị Dương Thị Th vay của Nguyễn Văn S số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 14/5/2019, chị Th đã trả cho Sáng số tiền là 18.800.000 đồng.

Khoảng 15 giờ ngày 14/5/2019, S nhờ anh Đặng Trần T đến gặp chị Th lấy nốt số tiền còn nợ là 1.200.000 đồng. Do không có xe nên T rủ Ng đi cùng. Khi đến quán hàng nước của chị Th ở khu C, khu đô thị Lê Trọng Tấn Gleximco, phường D, Ng yêu cầu chị Th trả tiền nợ cho Sáng nhưng chị Th không trả nên hai bên có chửi nhau và được bạn chị Th là anh Trần Quốc T can ngăn nên Ng cùng T đi về nhà bạn là Bùi Nguyên A, trú tại tổ Trung Bình, phường D, quận H, thành phố Hà Nội. Lúc này, chị Th gọi điện thoại cho Đặng Trần T để nói chuyện, Ng nghe thấy nên giăng lấy điện thoại của T nghe và Ng, Thẩm tiếp tục chửi, thách thức nhau qua điện thoại.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, do bức tức việc bị Th chửi nên Trần Đình Ng đến tủ bếp nhà anh Bùi Nguyên A lấy 01 con dao dài khoảng 60cm, bản rộng khoảng 04cm, chuôi sắt màu đen gài lên xe máy nhãn hiệu Hon-da Air-blade màu đỏ, biển kiểm soát 29T1-050.17 rồi đi đến quán nước của chị Th. Tới nơi, Ng dựng xe đi vào thì chị Th nói “Tao thách cả nhà mày không dám đánh tao”. Ng chạy ra xe lấy dao rồi lao đến dùng tay phải cầm dao dí vào cổ chị Th nói “bà thích gì”. Chị Th gạt con dao ra và hai bên tiếp tục chửi nhau thì anh Trần Quốc

T (bạn chị Th) đang ngồi uống nước tại quán can ngăn nên Ng ra lấy xe đi về. Khi ra gần khu vực cửa sắt lối đi từ khu C, khu đô thị Lê Trọng Tấn Glemximco đi sang trường Trần Quốc Toàn thuộc phường D, quận H, thành phố Hà Nội thì vẫn thấy chị Th chửi nên Ng quay lại cầm dao bằng tay phải chém 01 nhát trúng bàn tay trái chị Th. Ng chém nhát tiếp theo về phía đùi trái của chị Th nhưng trúng vào túi xách. Sau đó, Ng bỏ xe máy lại rồi chạy bộ về nhà rồi bỏ trốn. Trên đường rời khỏi hiện trường, Ng vứt bỏ con dao gây án.

Sau khi bị gây thương tích, chị Dương Thị Th được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Quân y 103, với thương tích: Vết thương mặt lưng đốt 1- 2 ngón III, đứt gân duỗi, sai khớp liên đốt 1-2; vết thương mặt lưng đốt 2 ngón IV, đứt gân duỗi; vết thương phần mềm đầu mút ngón V bàn tay trái do bị chém.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 3457/C09 ngày 02/7/2019 Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận: “... *tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Dương Thị Th tại thời điểm giám định là 9% (chín phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương của chị Dương Thị Th do vật sắc gây nên*”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2019/HSST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân quận H, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình Ng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 590 Bộ luật dân sự:

Xử phạt bị cáo Trần Đình Ng 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường D, quận H, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Buộc Trần Đình Ng phải bồi thường cho chị Dương Thị Th, tổng cộng là 18.063.753 đồng (đã nộp 5.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003866 ngày 01/11/2019 của chị cục thi hành án dân sự quận H), bị cáo còn phải bồi thường cho chị Th 13.063.753 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2019, người bị hại là chị Dương Thị Th có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo chỉ đề nghị xem xét khoan hồng cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày cháu tuổi còn trẻ, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị xem xét khoan hồng cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng; kết luận giám định thương tích và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại nên đã quyết định xử phạt bị cáo 10 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình Biên lai thu tiền, theo đó, bà Trần Thị L (mẹ bị cáo) đã nộp số tiền 13.500.000 đồng để khắc phục hậu quả; người bị hại kháng cáo

đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Xét kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng mức bồi thường, thấy: Khi xem xét các khoản bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các khoản phải bồi thường, tuy nhiên, về khoản chi phí khám chữa bệnh, Tòa án cấp sơ thẩm có sự sai sót, cộng nhầm, thực tế chi phí chữa bệnh của bị hại hết 9.957.709 đồng, bản án sơ thẩm xác định số tiền là 12.347.653 đồng là không chính xác (cộng hai lần đơn thuốc ngày 15/5/2019); về khoản bồi thường tổn thất về tinh thần có phần thấp, cần tăng thêm số tiền 2.389.944 đồng bằng số tiền bị cáo cộng nhầm ở phần chi phí khám chữa bệnh. Tổng các khoản buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Dương Thị Th tổng số tiền 18.063.573 đồng. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại không xuất trình được chứng cứ, tài liệu mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của người bị hại. Cần ghi nhận cho bị cáo đã nộp số tiền 13.500.000 đồng.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, bác kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **Về tố tụng:**

Kháng cáo của người bị hại trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

**Về nội dung:** Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng; kết luận giám định thương tích và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 14/5/2019, tại khu vực gần cửa sắt lối đi từ khu C, khu đô thị Lê Trọng Tấn Glemximco sang trường Trần Quốc Toản, thuộc phường D, quận H, thành phố Hà Nội, Trần Đình Ng có hành vi dùng dao chém 01 nhát vào bàn tay trái của chị Dương Thị Th gây tổn hại sức khỏe cho chị Th là 09%. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn Thủ đô. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Khi phạm tội bị cáo chưa đủ tuổi thành niên nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã quyết định xử phạt bị cáo 10 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp. Người bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Xét kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng mức bồi thường, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định về phần trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại về các khoản cần phải bồi thường theo quy định của pháp luật là đúng; tuy nhiên, phần chi phí khám chữa bệnh thực tế

bị hại chi phí hết 9.957.709 đồng, bản án sơ thẩm xác định số tiền là 12.347.653 đồng là không đúng (cộng hai lần đơn thuốc ngày 15/5/2019) thừa 2.389.944 đồng; khoản bồi thường tổn thất tổn thất về tinh thần, bản án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường 1.490.000 đồng là có phần thấp, cần tăng phần này thêm một khoản bằng số tiền bản án sơ thẩm cộng nhằm ở phần chi phí khám chữa bệnh là 2.389.944 đồng, tổng cộng khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 3.879.944 đồng. Như vậy, tổng các khoản, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Dương Thị Th tổng số tiền là 18.063.573 đồng là số tiền bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là phù hợp, được trừ đi 5.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường, số tiền còn lại buộc bị cáo phải bồi thường là 13.063.573 đồng. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại không xuất trình được chứng cứ, tài liệu mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường của người bị hại.

Từ nhận định trên, cần bác kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình Biên lai thu tiền, theo đó bà Trần Thị L đã nộp thay cho bị cáo số tiền 13.500.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả, cần ghi nhận số tiền đã nộp bồi thường nêu trên cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự,*

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Đình Ng 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường D, quận H, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Buộc Trần Đình Ng phải bồi thường cho chị Dương Thị Th, tổng cộng là 18.063.753 đồng (đã nộp 5.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003866 ngày 01/11/2019 của chị cục thi hành án dân sự quận H), bị cáo còn phải bồi thường cho chị Th 13.063.753 đồng.

Ghi nhận bị cáo Trần Đình Ng (do bà Trần Thị L - mẹ bị cáo nộp thay) đã nộp 13.500.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội, theo Biên lai thu tiền số 0003890 ngày 27/11/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Trần Đình Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 13/02/2020.

**Thành viên Hội đồng xét xử                      Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**